



miniCATALOG; our products at a glance miniCATALOG; Sơ lược sản phẩm WYLER AG



WYLER AG
Inclination measuring systems
Hệ thống đo độ nghiêng

Im Hölzli 13, CH - 8405 Winterthur (Thụy Sĩ)
+41 (0) 52 233 66 66
wyler@wylerag.com
www.wylerag.com

Phiên bản 1 năm 2025



Image videos

WYLER inclination measurement
Precise. Since 1928.



<https://vimeo.com/130540077>



Hình ảnh và videos clip

WYLER-Neigungsmesssysteme -
Genau - Seit 1928.

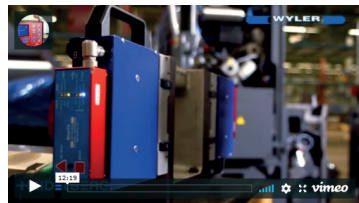


<https://vimeo.com/145365769>

First Imagefilm of WYLER AG,
english version 2011



<https://vimeo.com/124147284>



Erster Imagefilm der Firma WYLER AG,
deutsche Version 2011



<https://vimeo.com/124148942>



Glacier Express, Rhätische Bahn, Landwasser-Viadukt, Schweiz

Đăng cấp vượt trội đến từ Thụy Sĩ

Image videos

WYLER-Neigungsmesssysteme -
Genau - Seit 1928 (Kurzfassung Imagefilms)



<https://vimeo.com/181300236>



WYLER傾斜度測量技術:
始自1928的精准。
Chinese Version



<https://vimeo.com/190354382>



1928年から角度測定を追求してきた
スイス・ワイラー社
Japanese version



<https://vimeo.com/190354834>



WYLER는 1928년부터 고정밀 경사 측정 기술을 제
공해 왔습니다.

Korean version



<https://vimeo.com/190355009>



Система контроля отклонений WYLER:
точность с 1928 года.

Russian version



<https://vimeo.com/190355118>



Technologie de mesure de l'inclinaison
WYLER : la précision depuis 1928.

French version



<https://vimeo.com/190054490>



Tecnologia di misurazione dell'inclinazione
WYLER: precisione dal 1928.

Italian version



<https://vimeo.com/190052687>



Tecnología de medición de la inclinación
WYLER: precisión desde 1928.

Spanish version

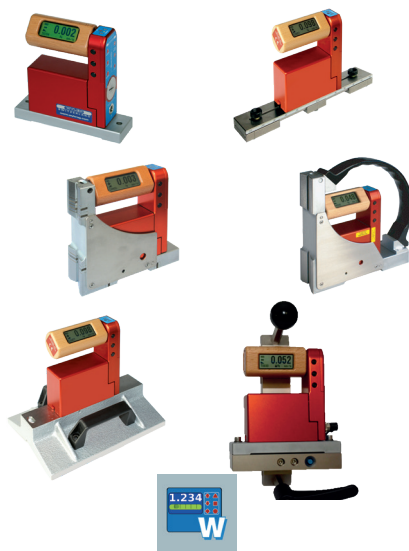


<https://vimeo.com/190354558>



Hình ảnh và videos clip

BlueLEVEL (II)



... are available in various configurations, with radio data transmission.

... có sẵn nhiều cấu hình khác nhau, truyền dữ liệu vô tuyến.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Flatness measurement
- Squareness measurement
- Rotation measurement PITCH and ROLL

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ phẳng
- Đo độ vuông góc
- Đo vòng quay Pitch and Roll

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Range Phạm vi
/ (mm/m)	/ (mm/m)
0.001	± 20

BlueLEVEL-2D



... combines 2 sensors for 2 axes measurements, with radio data transmission.

... kết hợp 2 cảm biến đo 2 trục, với truyền dữ liệu vô tuyến.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Time saving 2-axis flatness measurement
- Rotation measurement PITCH and ROLL

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Tiết kiệm thời gian đo độ phẳng của 2 trục
- Đo vòng quay Pitch and Roll

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Range Phạm vi
/ (mm/m)	/ (mm/m)
0.001	± 20

wylerLEVEL Frame



... are available with radio data transmission.

... khả dụng với truyền dữ liệu vô tuyến.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Parallelism of opposite sides
- Flatness measurement
- Squareness measurement
- Rotation measurement PITCH and ROLL

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ song phẳng
- Đo độ phẳng
- Đo độ vuông góc
- Đo vòng quay Pitch and Roll

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Range Phạm vi
/ (mm/m)	/ (mm/m)
0.001	± 20

nivelSWISS



... is a standalone measurement instrument.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Squareness measurements

... là một dụng cụ đo lường độc lập.

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ vuông góc

Scale graduation Tỷ lệ	Range Phạm vi
/ (mm/m)	/ (mm/m)
0.010 / 0.050	± 0.150 / ± 0.750

Electronic clinos

Thiết bị đo Clinos

wylerCLINO Frame 10°



... are available with radio data transmission. Same accuracy worldwide due to built-in gravity compensation.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Parallelism of opposite sides
- Flatness measurement
- Squareness measurements
- Rotation measurement PITCH and ROLL

... khả dụng với truyền dữ liệu vô tuyến. Độ chính xác như nhau trên toàn thế giới do tính năng bù trọng lực tích hợp.

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ song phẳng
- Đo độ phẳng
- Đo độ vuông góc
- Đo vòng quay Pitch and Roll

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Limits of error within 12 months* (T _A = 20 °C) Giới hạn lỗi trong vòng 12 tháng* (T _A = 20 °C)	Range Phạm vi
/ arcsec	/ arcsec	/ °
2	4 + 0.060 % M _w	± 10

M_w = measured value
T_A = ambient temperature
* typical value

M_w = giá trị đo
T_A = nhiệt độ môi trường xung quang
* giá trị tượng trưng



wylerCLINO Frame 60°



... are available with radio data transmission. Same accuracy worldwide due to built-in gravity compensation.

Main applications

- Alignment of objects
- Setting of large inclination angles

... khả dụng với truyền dữ liệu vô tuyến. Độ chính xác như nhau trên toàn thế giới do tính năng bù trọng lực tích hợp.

Ứng dụng cho

- Cân chỉnh đối tượng
- Thiết lập cài đặt với góc nghiêng lớn

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Limits of error within 12 months* (T _A = 20 °C) Giới hạn lỗi trong vòng 12 tháng* (T _A = 20 °C)	Range Phạm vi
/ arcsec	/ arcsec	/ °
5	15 + 0.027 % M _w	± 60

M_w = measured value
T_A = ambient temperature
* typical value

M_w = giá trị đo
T_A = nhiệt độ môi trường xung quang
* giá trị tượng trưng



Clinotronic S



... is equipped with radio data transmission. Same accuracy worldwide due to built-in gravity compensation.

Main applications

- Alignment of objects
- Setting of large inclination angles

... là một dụng cụ đo lường độc lập. Với truyền dữ liệu vô tuyến. Có tích hợp bù trừ trọng lực tích hợp cho độ chính xác cao trên toàn thế giới.

Ứng dụng cho

- Cân chỉnh đối tượng
- Thiết lập cài đặt với góc nghiêng lớn

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Limits of error within 12 months* (T _A = 20 °C) Giới hạn lỗi trong vòng 12 tháng* (T _A = 20 °C)	Range Phạm vi
/ arcsec	/ arcsec	/ °
5	0.055 % M _w / min. 15	± 45

M_w = measured value
T_A = ambient temperature
* typical value

M_w = giá trị đo
T_A = nhiệt độ môi trường xung quang
* giá trị tượng trưng

Clinotronic PLUS



... is a standalone measurement instrument.

Main applications

- Alignment of objects
- Setting of large inclination angles

... là một dụng cụ đo lường độc lập.

Ứng dụng cho

- Cân chỉnh đối tượng
- Thiết lập cài đặt với góc nghiêng lớn

Sensitivity Bước kỹ thuật số (Độ nhạy)	Limits of error within 12 months* (T _A = 20 °C) Giới hạn lỗi trong vòng 12 tháng* (T _A = 20 °C)	Range Phạm vi
/ arcsec	/ arcmin	/ °
5	1 ... 2 + 1 digit	± 45
5	1 ... 3 + 1 digit	± 60

T_A = ambient temperature
* typical value

T_A = nhiệt độ môi trường xung quang
* giá trị tượng trưng

Inclination sensors

Cảm biến góc nghiêng

ZEROTRONIC



... sensors are compatible with BlueTC, MultiTC and BlueMETER SIGMA.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Flatness measurement
- Squareness measurement
- Rotation measurement PITCH and ROLL
- Setting of large inclination angles
- Special measuring-base-adaptions
- Special adaptations, through size, weight or shock resistance

... cảm biến tương thích với BlueTC, MultiTC và BlueMETER SIGMA.

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ phẳng
- Đo độ vuông góc
- Đo vòng quay Pitch and Roll
- Thiết lập cài đặt với góc nghiêng lớn
- Đặc biệt đo cơ sở-thích ứng với các đế gá đặc biệt
- Đặc biệt thích ứng, thông qua kích thước, trọng lượng hoặc khả năng chống sốc

Type Kiểu	Resolution Độ phân giải	Range Phạm vi
	/ arcsec	/ °
ZEROTRONIC 3	0.1 ... 0.7	± 0.5
ZEROTRONIC 3	0.2 ... 0.9	± 1
ZEROTRONIC 3	0.7 ... 7.2	± 10
ZEROTRONIC C	3.2 ... 23.8	± 30
ZEROTRONIC C	3.2 ... 29.2	± 45
ZEROTRONIC C	4.3 ... 54	± 60

Types

ZEROTRONIC

Các loại



ZEROTRONIC HTR 10° Prisma	ZEROTRONIC HTR 10° Prisma
- Cast iron base - Areas beside the measuring faces are nickel plated - Measuring faces are scraped - Housing aluminium - Incl. ZEROTRONIC 3 HTR 10°	- Đế bằng gang - Các mặt đo bên được mạ Niken - Mặt đo được làm nhám - Vỏ nhôm - Bao gồm ZEROTRONIC 3 HTR 10°

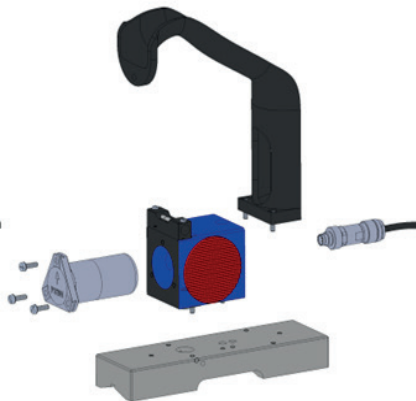


wylerZERO Bus HTR 10°	wylerZERO Bus HTR 10°
- Stainless steel base - Housing aluminium - Incl. ZEROTRONIC 3 HTR 10°	- Đế bằng thép không gỉ - Vỏ nhôm - Bao gồm ZEROTRONIC 3 HTR 10°

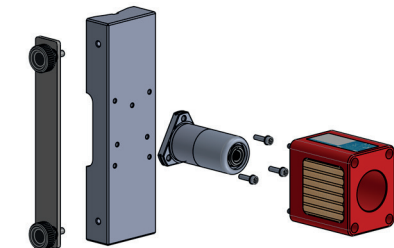
Modular

ZEROTRONIC

Modun



ZEROTRONIC horizontal modular	ZEROTRONIC Modun ngang
To adapt our ZEROTRONIC sensor easily to your application, you can define the combination of sensor and base. Please follow these steps and choose - ZEROTRONIC sensor according to range and needed HTR compensation a) Mounting block with no more options b) Mounting block with further options at step 3. and 4. - Optional handle - Type and length of base - Accessories - Case	Để dễ dàng điều chỉnh cảm biến ZEROTRONIC của chúng tôi theo ứng dụng của bạn, bạn có thể xác định sự kết hợp giữa cảm biến và đế. Vui lòng làm theo các bước sau và chọn - Cảm biến ZEROTRONIC theo phạm vi và bù HTR cần thiết a) Khối lắp không còn tùy chọn nào nữa b) Khối lắp với các tùy chọn khác ở bước 3 và 4. - Lựa chọn Tay cầm - Loại đế và chiều dài của đế - Phụ kiện - Hộp



ZEROTRONIC vertical modular	ZEROTRONIC Modun theo chiều dọc
To adapt our ZEROTRONIC sensor easily to your application, you can define the combination of sensor and base. Please follow these steps and choose - ZEROTRONIC sensor according to range and needed HTR compensation - Housing with wooden or aluminum inlays - Type and length of base - Optional side stop - Accessories - Case	Để dễ dàng điều chỉnh cảm biến ZEROTRONIC của chúng tôi theo ứng dụng của bạn, bạn có thể xác định sự kết hợp giữa cảm biến và đế. Vui lòng làm theo các bước sau và chọn - Cảm biến ZEROTRONIC theo phạm vi và bù HTR cần thiết - Vỏ bằng gỗ hoặc nhôm - Loại đế và chiều dài của đế - Lựa chọn tùy chọn mặt bên - Phụ kiện - Hộp

ZEROMATIC



... sensors are compatible with MultiTC and BlueMETER SIGMA.

... cảm biến tương thích với MultiTC và BlueMETER SIGMA.

Main applications

- Precise alignment of objects
- Long term monitoring of objects in relation to absolute zero position

Ứng dụng cho

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Giám sát dài hạn các đối tượng liên quan đến vị trí tuyệt đối bằng không

Zero point limit of error after reversal measurement Giới hạn lỗi	Linearity limit of error within 6 months* Giới hạn lỗi tuyến tính trong vòng 6 tháng*	Range Phạm vi
/ arcsec		/ °
1	0.5 % M _w	± 1
M _w = measured value * typical value		M _w = giá trị đo * giá trị tượng trưng

External displays

Hiển thị từ xa

BlueMETER SIGMA



... with or without radio data transmission. Can be used as a remote display for

- BlueLEVEL
- BlueLEVEL-2D
- wylerLEVEL (Frame)
- wylerCLINO (Frame)
- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

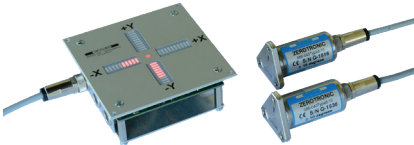
N O T compatible with BlueLEVEL II

... với truyền dữ liệu vô tuyến. Có thể được sử dụng như một màn hình hiển thị từ xa cho

- BlueLEVEL
- BlueLEVEL-2D
- wylerLEVEL (Frame)
- wylerCLINO (Frame)
- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

Không tương thích với BlueLEVEL II

LED CROSS



... is very suitable for providing a visual representation of the inclination of a platform.

... rất phù hợp để cung cấp một biểu diễn trực quan về độ nghiêng của nền tảng.

Typical applications

- Supervision of a crane for goods that are sensitive to inclinations
- Optical aid for manual hydraulic levelling of objects or platforms
- Supervision of working platforms: preventing the platform from tilting with the help of programmable alarms

Các ứng dụng điển hình là

- Giám sát cần cẩu cho hàng hóa nhạy cảm với khuynh hướng nghiêng
- Hỗ trợ quang học cho việc san bằng thủy lực bằng tay của các vật thể hoặc nền tảng
- Giám sát các nền tảng làm việc: ngăn nền tảng nghiêng với sự trợ giúp của báo thức có thể lập trình

Interface components

Thành phần giao diện

wylerCONNECT



... with radio data transmission. Can be used for

- BlueLEVEL
- BlueLEVEL II
- BlueLEVEL-2D
- wylerLEVEL Frame
- wylerCLINO Frame
- Clinotronic S (wireless only)
- ZEROTRONIC (cable only with MultiTC)
- ZEROMATIC (cable only with MultiTC)

... với truyền dữ liệu vô tuyến. Có thể được sử dụng như bộ thu phát / chuyển đổi cho

- BlueLEVEL
- BlueLEVEL II
- BlueLEVEL-2D
- wylerLEVEL Frame
- wylerCLINO Frame
- Clinotronic S (chỉ truyền dữ liệu không dây)
- ZEROTRONIC (chỉ có cáp với MultiTC)
- ZEROMATIC (chỉ có cáp với MultiTC)

MultiTC



... with data transmission by cable. Can be used for

- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

... với truyền dữ liệu bằng cáp. Có thể được sử dụng như một bộ thu phát / chuyển đổi cho

- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

BlueTC



... with radio data transmission. Can be used for

- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

... với truyền dữ liệu vô tuyến. Có thể được sử dụng như bộ thu phát / chuyển đổi cho

- ZEROTRONIC
- ZEROMATIC

Software

Phần mềm

wylerSOFT Info Center



Status of installed software

- License
- Version
- Release notes
- Available download

Tình trạng phần mềm đã cài đặt

- Bản quyền
- Phiên bản
- Ghi chú phát hành
- Tải xuống có sẵn

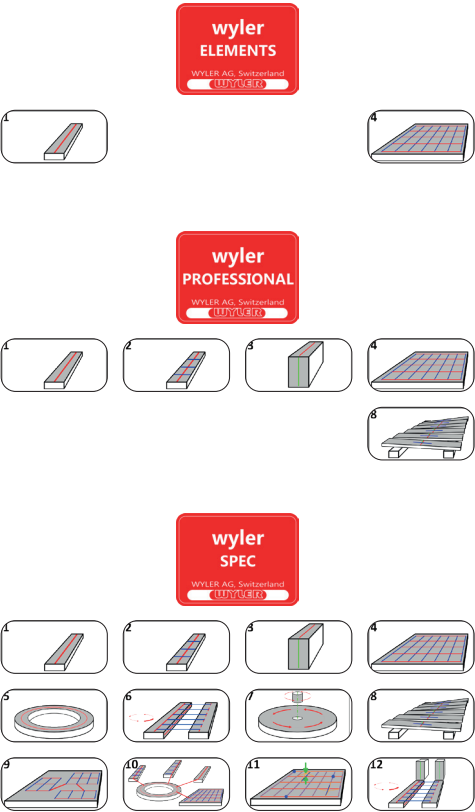
Support software tool

- wylerLICENSE to check and update all licenses
- wylerEXPLORER to check connectivity of instruments and sensors

Công cụ phần mềm hỗ trợ

- Giấy phép của Wyler để kiểm tra và cập nhật các phiên bản phần mềm
- wylerEXPLORER để kiểm tra các kết nối của thiết bị và cảm biến

Geometry
wylerELEMENTS
wylerPROFESSIONAL
wylerSPEC
Hình học



wylerELEMENTS

- Straightness
- Flatness

wylerELEMENTS

- Đường thẳng
- Mặt phẳng

wylerPROFESSIONAL

- Straightness
- Straightness with twist
- Rectangularity
- Flatness
- Rotations

wylerPROFESSIONAL

- Đường thẳng
- Độ thẳng, độ cong hay độ trùng
- Trục tuyến
- Mặt phẳng
- Xoay vòng

wylerSPEC

- Straightness
- Straightness with twist
- Rectangularity
- Flatness
- Circles
- Guide ways
- Vertical spindles
- Rotations
- Parallelism and coplanarity
- Own figures
- Trend
- Combination

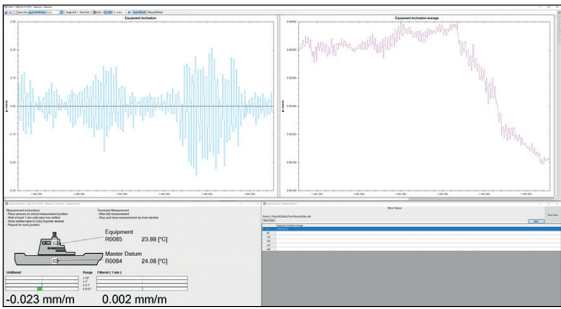
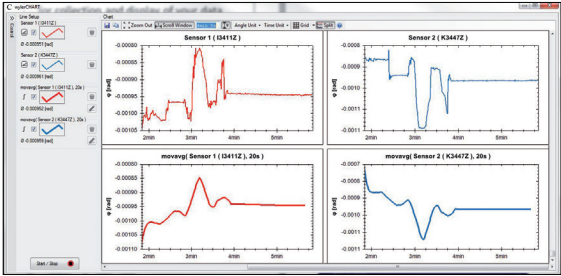
wylerSPEC

- Đường thẳng
- Độ thẳng, độ cong hay độ trùng
- Trục tuyến
- Mặt phẳng
- Vòng kết nối
- Dẫn hướng
- Trục dọc chính
- Xoay vòng
- Song song và đồng dạng
- Số liệu riêng
- Xu hướng
- Kết hợp

Monitoring

wylerPLOT
wylerCHART
wylerDYNAM

Giám sát



wylerPLOT

wylerPLOT covers mainly the remote display functionality of the BlueMETER SIGMA.

wylerPLOT

wylerPLOT chủ yếu bao gồm chức năng hiển thị từ xa của BlueMETER SIGMA.

wylerCHART Lite

For up to two measuring channels, wylerCHART runs license-free. This functionality within wylerCHART is called wylerCHART Lite.

wylerCHART Lite

Đối với kết nối 2 thiết bị đo cùng lúc WylerCHART miễn phí license. Chức năng này được gọi là wylerCHART Lite.

wylerCHART

Collects measuring data from WYLER inclination measuring instruments as ZEROTRONIC sensors. These measuring results can automatically be stored in a csv file and further processed with EXCEL.

wylerCHART

wylerCHART thu thập dữ liệu đo từ các dụng cụ đo độ nghiêng Wyler như cảm biến ZEROTRONIC. Các kết quả đo này được tự động đọc trong một tệp csv và có thể được xử lý thêm với EXCEL.

wylerDYNAM

wylerDYNAM offers a wide range of solutions, adaptable to all measuring tasks. With only a few clicks simple measuring tasks can be started. Thanks to its flexibility also complex measuring tasks can be solved.

wylerDYNAM

wylerDYNAM cung cấp một loạt các giải pháp thích nghi với tất cả các nhiệm vụ đo lường. Chỉ với một vài cú nhấp chuột, nhiệm vụ đo đơn giản có thể được bắt đầu. Nhờ tính linh hoạt tuyệt vời của nó, các nhiệm vụ đo lường phức tạp cũng có thể được giải quyết.

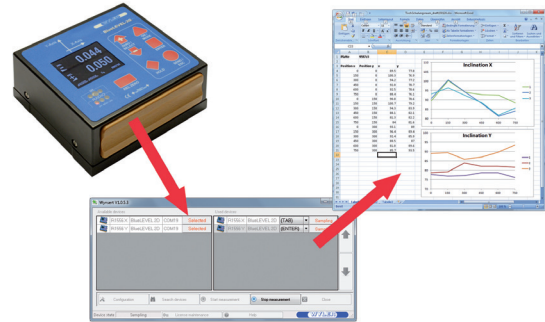
Includes the ready to use application SEATRONIC to measure parallelism on vessels.

Ứng dụng SEATRONIC hỗ trợ đo song song trên tàu.

Interface

wylerINSERT

Giao diện



wylerINSERT

wylerINSERT is an easy to use yet powerful tool to read inclination values from WYLER sensors and measuring instruments to insert them into any program at the current position of the cursor just like the values were typed in.

wylerINSERT

wylerINSERT là một công cụ dễ sử dụng nhưng mạnh mẽ để đọc các giá trị độ nghiêng từ các cảm biến và chèn chúng vào bất kỳ chương trình nào ở vị trí hiện tại của con trỏ giống như các giá trị được nhập vào.

Horizontal Spirit Level

55 SPIRIT

Level Spirit đo phương ngang



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Smallest Nhỏ nhất	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Biggest Lớn nhất
0.02	± 0.06	100 x 32 x 35	300 x 50 x 51	
0.05	± 0.15			
0.10	± 0.30			
0.30	± 0.90			

Magnetic Spirit Level

48 SPIRIT

Magnetic Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Squareness measurement

Các ứng dụng chính

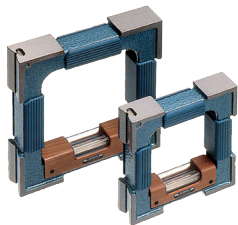
- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Đo độ vuông góc

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.02	± 0.06	150 x 40 x 150
0.05	± 0.15	
0.10	± 0.30	
0.30	± 0.90	

Precision Frame Spirit Level

58 SPIRIT

Precision Frame Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement
- Parallelism of opposite sides
- Squareness measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song
- Độ song phẳng đối diện giữa các điểm
- Đo độ vuông góc

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Smallest Nhỏ nhất	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Biggest Lớn nhất
0.02	± 0.06	100 x 32 x 100	200 x 40 x 200	
0.05	± 0.15			
0.10	± 0.30			
0.30	± 0.90			

Adjustable Spirit Level

52

Adjustable Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects within
- Straightness measurement
- Parallelism measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.02	0 ... 50 / ± 0.06	200 x 40 x 41
0.05	0 ... 50 / ± 0.15	
0.10	0 ... 50 / ± 0.30	

Adjustable Micrometer Spirit Level

68

Level điều chỉnh dạng Micrometer Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.02	-20 ... 4 / ± 0.06	150 x 45 x 45 (80)

Crankpin Spirit Level

56

Crankpin Spirit Level



Main applications

- Measurements on pins of crank shafts

Ứng dụng cho các ngành

- Đo trên các chốt của trục khuỷu

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)		Smallest Nhỏ nhất	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Biggest Lớn nhất
	A)	B)	A)	B)	
0.05	± 0.10	± 0.15	60 x 42 x 32	90 x 42 x 32	
0.10	± 0.20	± 0.30			

Shaft Spirit Level

63

Shaft Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement
- Parallelism measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng
- Phép đo song song

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Smallest Nhỏ nhất	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Biggest Lớn nhất
0.05	± 0.15	100 x 30 x 35	200 x 30 x 35	
0.10	± 0.30			
0.30	± 0.90			

Tubular Spirit Level

59

Tubular Spirit Level



Main applications

- Precise alignment of objects
- Straightness measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Smallest Nhỏ nhất	Length x Width / Diameter Dài x Rộng / Đường kính / mm	Biggest Lớn nhất
0.05	± 0.15	80 x 9 / $\varnothing 16$	200 x 11 / $\varnothing 22$	
0.10	± 0.30			
0.30	± 0.90			

Screw-on Spirit Level

66

Screw-on Spirit Level



Main applications

- Alignment of objects
- Straightness measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Smallest Nhỏ nhất	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Biggest Lớn nhất
0.10	± 0.20	80 x 15 x 18	150 x 18 x 22	
0.30	± 0.30	60 x 12 x 14		
1.00	± 2.00	50 x 10 x 12		
2 ... 5	-----	30 x 10 x 10	60 x 12 x 14	

Magnetic Angle Spirit Level

47

Magnetic Angle Spirit Level



Main applications

- Alignment of objects
- Straightness measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.30	± 0.90	100 x 30 x 100

Universal Angle Spirit Level

64

Universal Angle Spirit Level



Main applications

- Alignment of objects (vertical and horizontal)
- Straightness measurement

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Đo độ thẳng

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.50	± 1.50	160 x 40 x 150

Cross Spirit Level

Cross Spirit Level

Cross Spirit Level

78

Cross Spirit Level



Main applications

- Alignment of objects

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy) / (mm/m)	Range Phạm vi / (mm/m)	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm
0.02	± 0.06	148 x 147 x 30
0.10	± 0.20	
0.30	± 0.60	78 x 65 x 17

Cross Spirit Level

76

Cross Spirit Level



Main applications

- Alignment of objects

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy)	Range Phạm vi	Smallest Nhỏ nhất	Diameter x Height Đường kính x Chiều cao	Biggest Lớn nhất
/ (mm/m)	/ (mm/m)		/ mm	
0.3	± 0.6	60 x 13		80 x 18
1.0	± 2.0			
2 ... 5	-----	40 x 11		-----

Circular Spirit Levels

Circular Spirit Level

Circular Spirit Level

72 / 73 / 74

Circular Spirit Level



MOD. 72



MOD. 73



MOD. 74

Main applications

- Alignment of objects

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy)	Smallest Nhỏ nhất	Diameter x Height Đường kính x Chiều cao	Biggest Lớn nhất
/ arcmin		/ mm	
8 ... 12	60 x 17		-----
10 ... 20	16 x 10		30 x 14.5
12 ... 18	40 x 12		50 x 15
20 ... 30	20 x 9		30 x 11

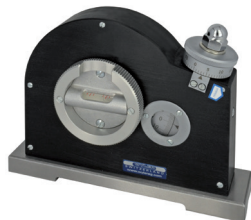
Clinometer

Clinometers

Clinometer

80

Clinometer



Main applications

- Alignment of objects (vertical and horizontal)
- Checking and setting of inclination angles

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh chính xác cho máy móc thiết bị
- Thiết lập và kiểm tra góc nghiêng

Sensitivity Quy mô tốt nghiệp (Độ nhạy)	Range Phạm vi	Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao
/ (mm/m)	/ °	/ mm
0.30	± 180	150 x 35 x 116

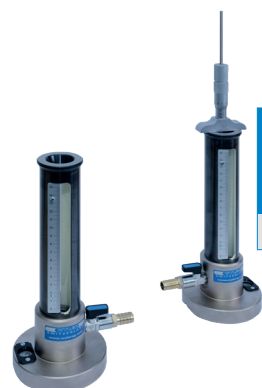
Communicating Water Level

Thước thủy

Communicating Water Level

77

Communicating Water Level



Main applications

- Adjustment of two or more objects to the same level or determine their deviation in height within 0.05 mm

Các ứng dụng chính

- Cân chỉnh 2 hoặc nhiều đối tượng đến cùng 1 mức hoặc xác định độ lệch về chiều cao của chúng với cách chia 0.05mm

Sensitivity (column) Quy mô tốt nghiệp (Cột)	Sensitivity (micrometer) Quy mô tốt nghiệp (Thước trắc vi)	Diameter x Height (with micrometer) Đường kính x Cao (với thước trắc vi)
/ mm	/ mm	/ mm
1	0.01	Ø100 x 250 (350)

Granite Straight Edges

264

Thước thẳng đá Granite

Granite measuring and setting straight edges with two parallel faces

Đo và thiết lập các cạnh thẳng của đá Granite với 2 mặt song phẳng



Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Weight Trọng lượng / kg	DIN 874-3/000  / μm	WYLER 000  / μm
200 x 30 x 40	0.7	2.6	1.5
500 x 45 x 90	6	5	2.5
750 x 50 x 140	16	7	3.5
1000 x 56 x 160	26	9	4.5
1250 x 60 x 190	42	11	5.5
1500 x 70 x 220	69	13	6.5

Granite Measuring Squares

265

Thước vuông đá granite

Granite measuring and setting square with two precise faces

Đo và thiết lập các cạnh thẳng của đá Granite với 2 mặt song phẳng



Length x Width x Height Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao / mm	Weight Trọng lượng / kg	DIN 875-2/000  / μm	WYLER 000  / μm
200 x 50 x 300	6.5	2.5	1.6
250 x 50 x 400	10	3	1.8
300 x 60 x 500	17	3.5	2
400 x 70 x 600	30	4	2.2

Services

Dịch vụ

Calibration laboratory SCS WYLER

SCS

Giấy hiệu chuẩn SCS WYLER



High precision inclination measuring instruments have to be tested and recalibrated on a regular base. Our air-conditioned calibration lab is equipped with special high precision measuring and calibration equipment certified by METAS Switzerland. The calibration range for instruments and sensors reaches from very small angles (0.2 arcsec) to the full circle (360°). Our laboratory is equipped to test and calibrate WYLER as well as non-WYLER products.

Dụng cụ đo độ nghiêng chính xác cao phải được kiểm tra và hiệu chuẩn lại trên cơ sở thường xuyên. Phòng thí nghiệm hiệu chuẩn máy lạnh của chúng tôi được trang bị các thiết bị đo lường và hiệu chuẩn chính xác cao đặc biệt được chứng nhận bởi METAS Switzerland. Phạm vi hiệu chuẩn cho các thiết bị và cảm biến đạt được từ các góc rất nhỏ (0,2 arcsec) đến vòng tròn đầy đủ (360 °). Phòng thí nghiệm của chúng tôi được trang bị để kiểm tra và hiệu chỉnh WYLER cũng như các sản phẩm không phải WYLER.

Training

Hướng dẫn sử dụng sản phẩm



Basics and product training

- Basics on inclination measurement
- Product training for customers

Hướng dẫn sử dụng sản phẩm

- Khái niệm cơ bản về đo độ nghiêng
- Đào tạo sản phẩm cho khách hàng



Quality

Chất lượng

Service + Partnership

Đối tác dịch vụ bán hàng

Innovation + Competence

Năng lực đổi mới



Further information on WYLER products can be found on our Website www.wylerag.com or obtained from one of our distribution partners.

Thank you for your interest in our products.



Website
www.wylerag.com



Videos WYLER AG

Thông tin thêm về các sản phẩm WYLER có thể được tìm thấy trên trang web của chúng tôi www.wylerag.com hoặc có được từ một trong những đối tác phân phối rộng khắp thế giới của chúng tôi. Cảm ơn vì đã quan tâm đến sản phẩm của chúng tôi.

CO THANH CO.,LTD

Đường: 7a/144 Thanh thai Street, Dist 10

Điện thoại: +84 028 38642042

Mobie: +84 913 100854

Website: cothanh.com

info@cothanh.com